

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST

Ngày 27-6-2019

V/v “*Tranh chấp dân sự về hợp
đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Kim Thành

2. Bà Trần Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019, G các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Thị Đ, sinh năm 1975, (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15, ấp G, xã HT, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn:* Chị Vương Thị G, sinh năm: 1980, (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 02, ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Minh Q, sinh năm: 1976; (Có đơn xin vắng mặt); địa chỉ: Tổ 02, ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-11-2018 và quá trình xét xử tại tòa nguyên đơn chị Vương Thị Đ trình bày:

Chị và chị Vương Thị G là chị em ruột, còn Trần Minh Q là chồng chị G, chị có chơi hụi do chị G làm chủ các dây hụi cụ thể:

Dây hụi 500.000 đồng, khai 10 ngày/lần vào ngày 05, 15, 25 (dl) hàng tháng, khai lần đầu ngày 05-11-2013, mãi ngày 05-7-2014, gồm 25 phần, chị chơi 01 phần, khai lần đầu tiên hụi kê 205.000 đồng, chị G hỏi chị mua hụi không, có chị U bán hụi, thì chị đồng ý mua, chị đưa tiền cho chị G đăng hụi cho chị U là

7.375.000 đồng, tức là chị được 02 phần, chị đóng hụi đầy đủ đến kỳ 24 là mãn hốt 01 phần được số tiền 12.000.000 đồng, mà 02 phần là 24.000.000 đồng, chị G không tiền đăng hụi cho chị, nên chị G xin chị để trả góp, nên chị đồng ý do chị em ruột nên không làm giấy tờ.

Dây hụi 500.000 đồng, khai 10 ngày/lần vào ngày 10, 20, 30 (al) hàng tháng, khai lần đầu ngày 10-11-2013 (al), mãn ngày 10-7-2014 (al), gồm 25 phần, chị chơi 01 phần, khai lần thứ hai hụi kê 195.000 đồng, thì chị G hỏi chị mua hụi không, có chị U bán tiếp phần hụi nữa, chị đồng ý mua, thì chị đưa tiền cho G đăng hụi cho chị U là 7.340.000 đồng, tức là chị được 02 phần, chị đóng hụi đầy đủ cho đến kỳ 24 là mãn hốt 01 phần được số tiền 12.000.000 đồng mà 02 phần là 24.000.000 đồng, chị G bỏ đi trốn nợ luôn. Vậy tiền hốt cuối 02 dây, 04 phần hụi của chị là 48.000.000 đồng, trừ cò 04 phần là 2.000.000 đồng, còn lại 46.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu trả lại số tiền này. Do thời gian chơi hụi G và Q là hai vợ chồng, đang sống chung làm ăn bình thường. Năm 2014 vợ chồng G Q đổ nợ hụi, nên hai vợ chồng G, Q năn nỉ để trả dần nhưng không trả, nên chị yêu cầu hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả cho chị số tiền hụi là 46.000.000 đồng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Vương Thị G trình bày:

Chị xác nhận tất cả lời trình bày của chị Đ là đúng, chị xác nhận có nợ chị Đ tiền hụi hốt chót 02 dây 04 phần là 48.000.000 đồng, trừ cò 2.000.000 đồng, còn lại 46.000.000 đồng, chị và anh Q cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Đ. Do chị và anh Q lúc đó còn là vợ chồng, đang chung sống làm ăn bình thường, không mai bề nợ hụi. Năm 2014 vợ chồng ly hôn, sau đó đăng ký kết hôn và sống chung trở lại, đến năm 2016 ly hôn luôn, nhưng không chia tài sản chung, số nợ của chị Đ anh Q lãnh trả, nhưng không trả. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Q trình bày: Anh là chồng chị G, chị Đ là chị vợ, nhưng anh và chị G đã ly hôn nay khoảng 3-4 năm nay. Anh và chị Đ không có quan hệ tài sản hay nợ nần gì, trước khi vợ chồng ly hôn nhau là anh đi làm ở Thành phố đem tiền về cho vợ chi phí trong gia đình không thiếu. Sau đó vợ ở nhà làm hụi và quan hệ với người khác đổ nợ, anh không biết, nên anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị Đ. Anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt do bận đi làm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, buộc chị G và anh Q có trách nhiệm trả cho chị Đ số tiền hụi là 46.000.000 đồng. Ghi nhận không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt do bận công việc, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Đối với số tiền hui của hai dây măn ngày 05-7-2014 và ngày 10-7-2014 (al), đến nay đã quá 03 năm là hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên chị Đ và chị G thống nhất là chị Đ có đòi nợ và có khởi kiện ra Tòa vào năm 2014, anh Q và chị G hứa trả nhưng không trả, nên thời hiệu khởi kiện còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung*: Chị Đ yêu cầu chị G và anh Q trả số tiền hui là 46.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Chị G xác nhận có nợ số tiền hui và đồng ý hai vợ chồng chị và anh Q cùng có trách nhiệm trả nợ.

[4] Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Chị Đ, chị G thống nhất chị G có nợ của chị Đ tiền hui là 46.000.000 đồng, hẹn có tiền trả lại cho chị Đ, do chị em ruột với nhau nên không làm giấy tờ. Năm 2014 chị Đ có kiện chị G ra Tòa, lúc đó chị G bỏ nhà đi, anh Q năn nỉ trả dần, nên chị Đ Rút đơn và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Nay chị Đ yêu cầu chị G và anh Q trả số nợ 46.000.000 đồng, chị G xác nhận có nợ và đồng ý trả nợ nên cần ghi nhận là phù hợp.

[5] Chị Đ, chị G thống nhất chị G là người đứng ra tổ chức, quản lý thu và chi tiền hui cho các thành viên tham gia góp hui. Chị Đ tham gia góp hui nhưng không được lĩnh hui là ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Đ, theo quy định tại các điều 5, 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

[6] Đối với ý kiến của anh Q thấy rằng: Năm 2014 anh và chị G là vợ chồng, đang chung sống bình thường, việc chị G vợ anh làm chủ hui anh biết, nhưng anh không có ý kiến gì, nên việc chị G làm chủ hui và bề hui trong thời kỳ hôn nhân của anh chị đang tồn tại, thì anh phải có trách nhiệm liên đới với chị G trả số nợ cho chị Đ là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ghi nhận chị Đ không yêu cầu tính lãi.

[7] Chị G, anh Q phải chịu án phí đối với số tiền tranh chấp là 46.000.000 đồng x 5% = 2.300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hui” của chị Vương Thị Đ đối với chị Vương Thị G và anh Trần Minh Q.

Buộc chị Vương Thị G và anh Trần Minh Q có trách nhiệm liên đới trả cho chị Vương Thị Đ số tiền hui là 46.000.000 (*Bốn mươi sáu triệu*) đồng. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu tính lãi.

2/ Án phí: Chị G và anh Q phải chịu 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn*) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị G và anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Kim Thành

Trần Thị Thúy

Nguyễn Thị An

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

